



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn
Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		306,486,531,094	166,564,810,500
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3,676,939,040	5,743,999,298
111	1. Tiền		3,676,939,040	5,743,999,298
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	-	1,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		254,336,400,014	148,095,192,420
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	163,658,506,001	134,498,692,420
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	14,306,595,513	4,566,500,000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	31,200,000,000	9,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	45,171,298,500	30,000,000
140	IV. Hàng tồn kho	10	45,705,158,720	11,915,391,896
141	1. Hàng tồn kho		45,705,158,720	11,915,391,896
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,768,033,320	809,226,886
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	25,653,672	47,085,838
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,742,379,648	762,141,048
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		182,513,256,504	160,506,201,762
220	II. Tài sản cố định		47,498,078,630	12,899,575,181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	37,430,044,286	12,899,575,181
222	- Nguyên giá		53,323,541,524	20,429,358,979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15,893,497,238)	(7,529,783,798)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	10,068,034,344	-
225	- Nguyên giá		10,773,438,021	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(705,403,677)	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	129,106,409,721	144,591,124,753
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		129,106,409,721	144,591,124,753
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5,908,768,153	3,015,501,828
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5,908,768,153	3,015,501,828
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		488,999,787,598	327,071,012,262

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59,614,335,625	65,357,310,303
310	I. Nợ ngắn hạn		44,782,642,296	65,357,310,303
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	32,233,355,147	18,252,601,228
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		247,377,820	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1,092,032,848	817,967,404
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		3,493,973	218,357,891
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		350,000,000	-
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1,962,000,000	37,823,000,000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8,894,382,508	8,245,383,780
330	II. Nợ dài hạn		14,831,693,329	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	14,831,693,329	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		429,385,451,973	261,713,701,959
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	429,385,451,973	261,713,701,959
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		353,835,080,000	171,671,440,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		353,835,080,000	171,671,440,000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		39,750,000,000	39,750,000,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4,447,191,254	4,122,691,890
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25,744,151,701	43,904,366,324
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		10,614,651,951	27,917,834,879
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15,129,499,750	15,986,531,445
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5,609,029,018	2,265,203,745
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		488,999,787,598	327,071,012,262



Hoàng Thị Kim Lan
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11... tháng 11... năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số
226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt
Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2022	Quý IV năm 2021	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	125,728,428,955	118,782,737,640	465,585,416,350	305,159,744,600
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
	- Chiết khấu thương mại		-	-	-	-
	- Hàng bán bị trả lại		-	-	-	-
	- Giảm giá hàng bán		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		125,728,428,955	118,782,737,640	465,585,416,350	305,159,744,600
11	4. Giá vốn hàng bán	19	121,246,575,337	108,601,373,393	448,046,658,730	285,337,450,465
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,481,853,618	10,181,364,247	17,538,757,620	19,822,294,135
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2,364,969,488	256,367	3,262,727,692	170,305,570
22	7. Chi phí tài chính	21	49,796,697	467,989,752	989,805,764	830,239,959
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		49,796,697	467,989,752	989,805,764	830,239,959
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	20,849,344	504,859,811
25	9. Chi phí bán hàng	22	-	497,842,510	-	497,842,510
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1,062,310,454	560,499,021	3,499,729,556	1,899,076,904
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,734,715,955	8,655,289,331	16,332,799,336	17,270,300,143
31	12. Thu nhập khác	24	(275,000,001)	44,490	550,000,000	44,490
32	13. Chi phí khác	25	22,659,170	216,000	34,222,486	174,126,002

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2022	Quý IV năm 2021	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
			VND	VND	VND	VND
40	14. Lợi nhuận khác		(297,659,171)	(171,510)	515,777,514	(174,081,512)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,437,056,784	8,655,117,821	16,848,576,850	17,096,218,631
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	722,304,803	454,058,224	1,439,841,561	871,250,405
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4,714,751,981</u>	<u>8,201,059,597</u>	<u>15,408,735,289</u>	<u>16,224,968,226</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4,614,892,125	8,050,358,790	15,129,499,750	15,986,531,445
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		99,859,856	150,700,807	279,235,539	238,436,781
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27			474	894
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				-	-



Hoàng Thị Kim Lan
 Người lập

Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2023



Hoàng Thị Kim Lan
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
 Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/12/2022	đến ngày 31/12/2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16,848,576,850	17,096,218,631
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,129,114,649	1,434,699,902
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(496,951,067)	(170,305,570)
06	- Chi phí lãi vay		989,805,764	830,239,959
07	- Các khoản điều chỉnh khác		151,008,530,680	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		173,479,076,876	19,190,852,922
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(86,021,446,194)	(38,537,995,807)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(33,789,766,824)	6,077,305,868
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14,249,781,739	12,217,439,262
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,871,834,159)	153,542,785
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1,204,669,682)	(611,882,068)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,155,997,066)	(538,566,931)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62,685,144,690	(2,049,303,969)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(4,601,800,000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(71,200,000,000)	(54,200,000,000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		94,001,000,000	45,199,000,000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(217,000,000,000)	(25,000,000,000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		476,101,723	170,305,570
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(193,722,898,277)	(38,432,494,430)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		150,000,000,000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		34,775,238,021	57,436,000,000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(55,804,544,692)	(19,613,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		128,970,693,329	37,823,000,000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 01/01/2021
			đến ngày 31/12/2022	đến ngày 31/12/2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2,067,060,258)	(2,658,798,399)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5,743,999,298	8,402,797,697
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>3,676,939,040</u>	<u>5,743,999,298</u>

Hoàng Thị Kim Lan
Người lập

Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 353.835.080.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 353.835.080.000 đồng; tương đương 35.383.508 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98.14%	98.14%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	100.00%	100.00%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần HongHa Pharma	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	98.00%	98.00%	Kinh doanh thực phẩm chức năng

- Công ty gián tiếp được hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và thương mại Châu Á	Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	96.04%	98.00%	Sản xuất điện mặt trời

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 15 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Đến ngày 17/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà đã hoàn tất việc mua thêm 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọc Lặc Xanh với tổng giá phí đầu tư là 60.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 54,55% vốn chủ sở hữu trong Công ty này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh đã tăng từ 45,45% lên 100% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh từ công ty liên kết trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà.

Đến ngày 17/03/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà đã hoàn tất việc mua thêm 5.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần HongHa Pharma với tổng giá phí đầu tư là 53.000.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã tăng từ 45% lên 98% vốn chủ sở hữu. Tại ngày này, Công ty Cổ phần HongHa Pharma từ công ty liên kết trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà.

Đến ngày 28/12/2022, Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã hoàn thành mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á với tỷ lệ sở hữu 98% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á trở thành công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2,166,267,529	5,730,010,485
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,510,671,511	13,988,813
	<u>3,676,939,040</u>	<u>5,743,999,298</u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Vật tư nông nghiệp Hồng Hà	45.80%	46.67%	14,081,533,154	45.80%	46.67%	14,081,533,154
- Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh (*)			-	45.40%	45.40%	50,161,718,623
- Công ty Cổ phần HongHa Pharma (*)			-	45.00%	45.00%	45,343,845,753
- Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco	43.75%	43.75%	35,004,027,223	43.75%	43.75%	35,004,027,223
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược	26.13%	26.67%	40,000,000,000			-
- Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam	20%	20%	40,020,849,344			-
			129,106,409,721			144,591,124,753

(*) Tại 31/12/2022, Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh và Công ty Cổ phần HongHa Pharma là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà. Do đó 02 công ty con này được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược liệu Hàm Tân	7,348,586,580	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Hanco Việt Nam	18,123,123,424	-	22,026,885,712	-
Công ty CP HDC Hà Nội	12,810,345,800	-	22,725,618,390	-
Công ty CP Tinh bột sắn Elmaco Ninh Bình	35,002,625,828	-	35,497,041,935	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu An Việt Mỹ	8,832,732,082	-	-	-
Công ty TNHH Sài Gòn Đồng Khởi	-	-	10,892,898,640	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	-	-	9,179,126,105	-
Công ty TNHH TMDV Chiến Thắng	-	-	8,811,975,510	-
Công ty TNHH XNK Lâm Thành Đạt	4,941,968,758	-	8,088,546,000	-
Công ty TNHH Nông sản Hoàng Hải Tây Bắc	13,448,567,938	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	26,187,986,781	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	36,962,568,810	-	17,276,600,128	-
	163,658,506,001	-	134,498,692,420	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH - Tư Vấn - Thiết Kế - Xây Dựng Huỳnh Phi	6,800,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần thực phẩm Lành	1,884,190,004	-	-	-
Ông Lò Văn Độ - Ứng tiền mua nông sản	3,000,000,000	-	2,500,000,000	-
Ông Lò Văn Sợi - Ứng tiền mua nông sản	2,500,000,000	-	2,000,000,000	-
Đối tượng khác	122,405,509	-	66,500,000	-
	14,306,595,513	-	4,566,500,000	-

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cho vay cá nhân	31,200,000,000	-	9,000,000,000	-
	31,200,000,000	-	9,000,000,000	-

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	781,226	-	-	-
Tạm ứng	1,074,000,000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1,807,617,274	-	30,000,000	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Đồng Nai - Hợp tác kinh doanh	15,000,000,000	-	-	-
Phải thu khác	27,288,900,000	-	-	-
	45,171,298,500	-	30,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm	18,459,742,216	-	10,419,339,689	-
Hàng hoá	27,245,416,504	-	1,496,052,207	-
	45,705,158,720	-	11,915,391,896	-

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9,994,000,480	6,206,558,499	4,228,800,000	20,429,358,979
- Tăng do hợp nhất	6,967,589,091	13,032,881,818	27,531,727,818	47,532,198,727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14,638,016,182)	(14,638,016,182)
Số dư cuối kỳ	16,961,589,571	19,239,440,317	17,122,511,636	53,323,541,524
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2,926,186,087	4,383,347,711	220,250,000	7,529,783,798
- Tăng do hợp nhất	-	3,609,658,897	1,335,391,007	4,945,049,904
- Khấu hao trong kỳ	1,495,069,920	1,470,170,696	1,458,470,356	4,423,710,972
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,005,047,436)	(1,005,047,436)
Số dư cuối kỳ	4,421,256,007	9,463,177,304	2,009,063,927	15,893,497,238
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	7,067,814,393	1,823,210,788	4,008,550,000	12,899,575,181
Tại ngày cuối kỳ	12,540,333,564	9,776,263,013	15,113,447,709	37,430,044,286

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là Thiết bị điện năng lượng mặt trời 996KW bao gồm 2320 tấm pin Axitec (430W/tấm), 9 bộ inverter hoà lưới SMA STP -110-60 (110kw) và 2 tủ điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	21,742,422	42,710,835
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4,375,003
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3,911,250	-
	25,653,672	47,085,838
b) Dài hạn		
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	2,773,273,825	2,985,243,805
Phần mềm kế toán	-	3,483,328
Công cụ dụng cụ	43,617,970	26,774,695
Chi phí thiết bị, vật tư vận hành	284,158,930	-
Chi phí mua bảo hiểm	72,349,023	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2,735,368,405	-
	5,908,768,153	3,015,501,828

(*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu 5T	13,589,727,719	-	5,249,285,360	-
Công ty TNHH ĐTTM Phúc Thọ	1,326,496,144	-	-	-
Công ty CP Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	13,187,069,494	-	-	-
Công ty CP VBM Bắc Bộ	630,460,824	-	5,500,026,740	-
Công ty CP Thực phẩm Lành Mai Châu	2,570,510,784	-	6,226,820,200	-
Đối tượng khác	929,090,182	-	1,276,468,928	-
	32,233,355,147	-	18,252,601,228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường
Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	817,967,404	1,408,412,510	1,155,997,066	-	1,070,382,848
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	70,346,301	48,696,301	-	21,650,000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	44,879,946	44,879,946	-	-
	-	817,967,404	1,523,638,757	1,249,573,313	-	1,092,032,848

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,100,000,000	7,100,000,000	-	7,100,000,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy (1)	2,723,000,000	2,723,000,000	6,905,000,000	7,666,000,000	1,962,000,000	1,962,000,000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3,000,000,000	3,000,000,000	6,000,000,000	9,000,000,000	-	-
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng	25,000,000,000	25,000,000,000	-	25,000,000,000	-	-
- Ông Phạm Tuấn Anh	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-
	37,823,000,000	37,823,000,000	14,905,000,000	50,766,000,000	1,962,000,000	1,962,000,000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	-	-	550,800,000	-	550,800,000	550,800,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (3)	-	-	8,546,000,000	1,419,342,852	7,126,657,148	7,126,657,148
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (4)	-	-	10,773,438,021	3,619,201,840	7,154,236,181	7,154,236,181
	-	-	19,870,238,021	5,038,544,692	14,831,693,329	14,831,693,329

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn:

(1) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2217300111 ký ngày 08 tháng 8 năm 2022. Hạn mức cấp tín dụng là: 12.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản là 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi nhãn hiệu Volvo, biển số xe 30H-150.70, giá trị của tài sản đảm bảo là 3.890.000.000 đồng. Tỷ lệ cấp tín dụng trên giá trị tài sản đảm bảo tối đa 60%.

(2) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 230622-8288972-AUTO-1/HĐ ngày 23/06/2022 với nội dung như sau: Số tiền cho vay: 550.800.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích vay: mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại; Lãi suất vay trong hạn: được bên ngân hàng và khách hàng thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường; Tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA VELOZ CROSS CVT biển kiểm soát 95A-094.37.

(3) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT821-CTY CHAU A ngày 08/03/2021 với nội dung như sau: Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Số tiền cho vay: tổng giá trị không vượt quá 10.200.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Xã Thạnh Hoà, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Thời hạn vay: 84 tháng. Biện pháp bảo đảm: theo các cam kết và bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Bên Vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác.

(4) Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2112172C2 ngày 11/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease về việc thuê tài sản là Thiết bị điện năng lượng mặt trời 996KW bao gồm 2320 tấm pin Axitec (430W/tấm), 9 bộ inverter hoà lưới SMA STP -110-60 (110kw) và 2 tủ điện. Tổng giá trị hợp theo hợp đồng là 11.850.781.824 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	171,671,440,000	39,750,000,000	3,882,587,497	28,638,148,057	2,026,766,965	245,968,942,519
Lãi/lỗ trong năm 2021	-	-	-	15,986,531,445	238,436,781	16,224,968,226
Trích lập các quỹ	-	-	240,104,393	(720,313,179)	-	(480,208,786)
Tại ngày 31/12/2021	171,671,440,000	39,750,000,000	4,122,691,890	43,904,366,323	2,265,203,746	261,713,701,959
Tại ngày 01/01/2022	171,671,440,000	39,750,000,000	4,122,691,890	43,904,366,323	2,265,203,746	261,713,701,959
Tăng vốn trong kỳ này (*)	150,000,000,000	-	-	-	-	150,000,000,000
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	15,129,499,750	279,235,539	15,408,735,289
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ phân phối lợi nhuận sau thuế (**)	32,163,640,000	-	-	(32,163,640,000)	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	3,414,589,733	3,414,589,733
Tăng khác	-	-	324,499,364	(973,498,092)	-	(648,998,728)
Trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(350,000,000)	(350,000,000)
Tăng giảm/khác do hợp nhất	-	-	-	(152,576,280)	-	(152,576,280)
Tại ngày 31/12/2022	353,835,080,000	39,750,000,000	4,447,191,254	25,744,151,701	5,609,029,018	429,385,451,973

(*) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HSL ngày 09/12/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn điều lệ Công ty, số lượng cổ phiếu phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm là 150.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho hoạt động đầu tư cho các Công ty cùng ngành, trả nợ vay, bổ sung vốn lưu động.

(**) Theo Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/HSL ngày 29/04/2022 đã được thông qua, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng là 2%, quỹ phúc lợi là 2%, quỹ đầu tư phát triển là 2% trên lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 và thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	100.00%	353,835,080,000	100.00%	171,671,440,000
	100%	353,835,080,000	100%	171,671,440,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	353,835,080,000	171,671,440,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	171,671,440,000	171,671,440,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	182,163,640,000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	353,835,080,000	171,671,440,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	350,000,000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	350,000,000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	350,000,000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35,383,508	17,167,144
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35,383,508	17,167,144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35,383,508	17,167,144
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35,383,508	17,167,144
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35,383,508	17,167,144
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4,447,191,254	4,122,691,890
	4,447,191,254	4,122,691,890

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	465,585,416,350	305,159,744,600
	465,585,416,350	305,159,744,600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	448,046,658,730	285,337,450,465
	448,046,658,730	285,337,450,465

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	476,101,723	170,305,570
Lãi giao dịch mua rẻ	2,786,625,969	-
	3,262,727,692	170,305,570

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	989,805,764	830,239,959
	989,805,764	830,239,959

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	497,842,510
	-	497,842,510

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	199,203,235	47,647,351
Chi phí nhân công	1,510,179,321	822,647,359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532,083,328	367,552,508
Thuế, phí, lệ phí	13,000,000	6,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637,811,364	655,229,686
Chi phí khác bằng tiền	607,452,308	-
	3,499,729,556	1,899,076,904

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

24 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	550,000,000	-
Thu nhập khác	-	44,490
	550,000,000	44,490

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu, lãi chậm nộp	34,111,477	173,910,002
Chi phí khác	111,009	216,000
	34,222,486	174,126,002

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,439,841,561	871,250,405
	1,439,841,561	871,250,405

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15,129,499,750	15,986,531,445
Các khoản điều chỉnh	(648,998,728)	(639,461,258)
- <i>Quy khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(648,998,728)	(639,461,258)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14,480,501,022	15,347,070,187
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30,578,553	17,167,144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	474	894

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,676,939,040	-	5,743,999,298	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208,829,804,501	-	134,528,692,420	-
Các khoản cho vay	31,200,000,000	-	9,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	1,000,000	-
	243,706,743,541	-	149,273,691,718	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	16,793,693,329	37,823,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	32,583,355,147	18,252,601,228
Chi phí phải trả	3,493,973	218,357,891
	49,380,542,449	56,293,959,119

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	1,000,000	-	-	1,000,000
	1,000,000	-	-	1,000,000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,676,939,040	-	-	3,676,939,040
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208,829,804,501	-	-	208,829,804,501
Các khoản cho vay	31,200,000,000	-	-	31,200,000,000
	243,706,743,541	-	-	243,706,743,541

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

Tại ngày 01/01/2022

Tiền và các khoản tương đương tiền	5,743,999,298	-	-	5,743,999,298
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134,528,692,420	-	-	134,528,692,420
Các khoản cho vay	9,000,000,000	-	-	9,000,000,000
	149,272,691,718	-	-	149,272,691,718

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	1,962,000,000	14,831,693,329	-	16,793,693,329
Phải trả người bán, phải trả khác	32,583,355,147	-	-	32,583,355,147
Chi phí phải trả	3,493,973	-	-	3,493,973
	34,548,849,120	14,831,693,329	-	49,380,542,449
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	37,823,000,000	-	-	37,823,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	18,252,601,228	-	-	18,252,601,228
Chi phí phải trả	218,357,891	-	-	218,357,891
	56,293,959,119	-	-	56,293,959,119

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2022

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	112,796,000	90,841,800
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	476,788,000	112,964,000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.



Hoàng Thị Kim Lan
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023